TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/KDTM-ST
Ngày 19-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2016/TLST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2016, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Tên viết tắt VAMC)

Địa chỉ: 22 H V, phường L T T, quận H K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Tường U - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu, ông Lê Xuân H - Trưởng phòng pháp lý xử lý nợ -BIDV và ông Nguyễn Đình D - Chuyên viên pháp lý xử lý nợ -BIDV là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Quyết định ủy quyền số 153/UQ-BIDV.BRVT-QLRR ngày 28/02/2017 và Quyết định ủy quyền số 209/UQ-BIDV.BRVT-QLRR ngày 17/7/2017. (Bà U, ông H và ông D có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thép Q

Địa chỉ: Khu công nghiệp M X , huyện T T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dasagi Vijaya B R là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thép Q). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2016, các lần làm việc và tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam trình bày:

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, bảng kê nhận nợ vay giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu (Sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Thép Q (Sau đây gọi là Công ty Q) thì toàn bộ số dư nợ của Công ty Quatron tại Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn (nhóm 3) do Công ty Q vi phạm về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Khoản vay trung hạn: Hợp đồng tín dụng trung hạn số 55/2013/HĐ ngày 28/10/2013: Số tiền vay: 1,500,000.00USD (USD là đô la Mỹ) (Tài khoản vay số 76082370004315), mục đích vay: Cơ cấu tài chính doanh nghiệp khắc phục tình trạng mất cân đối vốn, thời hạn vay: 48 tháng, trả gốc định kỳ 3 tháng 01 lần; lãi suất trong hạn: 6.75% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Q thanh toán được 562,500.00USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 937,500.00USD và số dư nợ lãi là 123,920.01USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 50,701.41USD, lãi quá hạn là 73,218.60USD.

- Khoản vay ngắn hạn:

1. Hợp đồng tín dụng theo món số 15/2015/2725427/HĐTD ngày 10/06/2015: Số tiền vay: 59,382.21USD(Tài khoản vay số 76082370007688); mục đích vay: Thanh toán lương lần 2 tháng 05-2015; thời hạn vay: 09 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Q trả được 59,282.21USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 100.00USD và số dư nợ lãi quá hạn là 42.87USD.

2. Hợp đồng tín dụng theo món số 16/2015/2725427/HĐTD ngày 10/06/2015; Số tiền vay: 45,913.68 USD (Tài khoản vay số 76082370007703); mục đích vay: thanh toán tiền bảo hiểm xã hội cho người Việt Nam; thời hạn vay: 09 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quí/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Q trả được 45,813.68 USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 100.00USD và số dư nợ lãi là 988.90USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 459.14USD, lãi quá hạn là 529.76USD).

3. Hợp đồng tín dụng theo món số 18/2015/2725427/HĐTD ngày 17/08/2015: Số tiền vay: 132,086.00USD (Tài khoản vay số 76082370007934); mục đích vay: Thanh toán lương tháng 07-2015; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Q trả được 66,252.89USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 65,833.11USD và số dư nợ lãi là 7,778.54USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 3,248.40USD, lãi quá hạn là 4,530.14USD).

4. Hợp đồng tín dụng theo món số 19/2015/2725427/HĐTD ngày 18/08/2015: Số tiền vay: 21,566.27USD (Tài khoản vay số 76082370007952); mục đích vay: Thanh toán thuế nhập khẩu; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Q trả được 21,466.27USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 100.00USD và số dư nợ lãi là 509.05USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 502.17USD, lãi quá hạn là 6.88USD).

5. Hợp đồng tín dụng theo món số 20/2015/2725427/HĐTD ngày 20/08/2015: Số tiền vay: 10,900.00USD (Tài khoản vay số 76082370007970); mục đích vay: Thanh toán bộ nhờ thu số 76028370001679; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 10,900.00USD và số dư nợ lãi là 1,032.09USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 286.12USD, lãi quá hạn là 745.97USD).

6. Hợp đồng tín dụng theo món số 21/2015/2725427/HĐTD ngày 20/08/2015: Số tiền: 3,532.37USD (Tài khoản vay số 76082370007989); mục đích vay: Thanh toán tiền nước sinh hoạt và nước uống cho nhà máy; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 3,532.37USD và số dư nợ lãi là 319.89USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 78.14USD, lãi quá hạn là 241.75USD).

7. Hợp đồng tín dụng theo món số 22/2015/2725427/HĐTD ngày 24/08/2015: Số tiền vay: 73,837.77USD (Tài khoản vay số 76082370007998); mục đích vay: Thanh toán phí nhân công thầu phụ, sơn, phí vận chuyển, vật tư, dây hàn cho dự án IHI, Jord; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 73,837.77USD và số dư nợ lãi là 6,968.43USD(Trong đó: Lãi trong hạn là 1,984.38USD, lãi quá hạn là 4,984.05USD).

8. Hợp đồng tín dụng theo món số 23/2015/2725427/HĐTD ngày 31/08/2015: Số tiền vay: 14,933.10USD (Tài khoản vay số 76082370008043); mục đích vay: Thanh toán bộ nhờ thu số 76028370001688; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.50% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 14,933.10USD và số dư nợ lãi là 1,405,57USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 408.79USD, lãi quá hạn là 996.78USD).

9. Hợp đồng tín dụng theo món số 24/2015/2725427/HĐTD ngày 01/09/2015: Số tiền vay: 2,666.67USD (Tài khoản vay số 76082370008052); mục đích vay: Thanh toán tiền mua hạt thép cho dự án Baltec; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quí/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 2,666.67USD và số dư nợ lãi là 252.62USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 64.35USD, lãi quá hạn là 188.27USD).

10. Hợp đồng tín dụng theo món số 25/2015/2725427/HĐTD ngày 04/09/2015: Số tiền vay: 20,000.00USD (Tài khoản vay số 76082370008089); mục đích vay: Thanh toán tiền mua hạt thép cho dự án Baltec; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 20,000.00USD và số dư nợ lãi là 1,973.17USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 573.17USD, lãi quá hạn là 1,400.00USD).

11. Hợp đồng tín dụng theo món số 26/2015/2725427/HĐTD ngày 04/09/2015: Số tiền vay: 114,087.00USD (Tài khoản vay số 76082370008098); mục đích vay: Thanh toán lương tháng 08/2015; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 114,087.00 USD và số dư nợ lãi là 11,255.63USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 8,645.89USD, lãi quá hạn là 2,609.74USD

12. Hợp đồng tín dụng theo món số 27/2015/2725427/HĐTD ngày 11/09/2015: Số tiền: 52,254.63USD (Tài khoản vay số 76082370008113); mục đích vay: Thanh toán tiền mua thép tấm theo HĐ QS-NP-IH/150605CH01 cho dự án IHI; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 52,254.63USD và số dư nợ lãi là 5,130.97USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 1,546.30USD, lãi quá hạn là 3,584.67USD

13: Hợp đồng tín dụng theo món số 28/2015/2725427/HĐTD ngày 11/09/2015: Số tiền vay: 73,000.00USD (Tài khoản vay số 76082370008122); mục đích vay: Thanh toán tiền mua thép tấm theo HĐ QS-SP-IH/150605CH01 cho dự án IHI; thời

hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 73,000.00USD và số dư nợ lãi là 7,167.99USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 2,160.19USD, lãi quá hạn là 5,007.80USD

14. Hợp đồng tín dụng theo món số 29/2015/2725427/HĐTD ngày 11/09/2015: Số tiền vay: 50,802.67 USD (Tài khoản vay số 76082370008122); mục đích vay: Thanh toán tiền mua thép tấm theo HĐ QS-SP-IH/150605CH01 cho dự án IHI; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất: 4.20% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, Công ty Quatron thanh toán được 4,662.30USD tiền gốc, số dư nợ gốc còn lại là 46,140.37 USD và số dư nợ lãi là 4,745.69USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 1,593.13USD, lãi quá hạn là 3,152.56USD.

15. Hợp đồng tín dụng theo món số 30/2015/2725427/HĐTD ngày 18/09/2015: Số tiền vay: 456,215.07USD (Tài khoản vay số 76082370008159); mục đích vay: Thanh toán LC số 76010370005618+76010370005609; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất: 4.20% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 456,215.07USD và số dư nợ lãi quá hạn là 46,305.83USD.

16. Hợp đồng tín dụng theo món số 31/2015/2725427/HĐTD ngày 23/09/2015: Số tiền vay: 11,241.18USD (Tài khoản vay số 76082370008168); mục đích vay: Thanh toán mua dây hàn theo HĐ số QS-GT-IHI/150610CU cho dự án IHI; thời hạn vay: 03 tháng; lãi suất: 4.20% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 11,241.18USD và số dư nợ lãi là 1,131.15USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 0.01USD, lãi quá hạn là 1,131.14USD)

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/2725427/HĐTD ngày 30/10/2015, cụ thể:

1. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-01/2016/2725427/HĐTD ngày 09/11/2015: Số tiền vay: 102,040.80USD (Tài khoản vay số 76082370008423); mục đích vay: Thanh toán lương tháng cho CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 102,040.80USD và số dư nợ lãi là 9,559.53USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 3,784.02USD, lãi quá hạn là 5,755.51USD)

2. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-02/2016/2725427/HĐTD ngày 17/12/2015: Số tiền vay: 101,285.20USD (Tài khoản vay số 76082370008511); mục đích vay: Thanh toán lương cho CB.CNV; thời hạn

vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 101,285.20USD và số dư nợ lãi là 9,609.71USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 4,439.94USD, lãi quá hạn là 5,169.77USD)

3. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-03/2016/2725427/HĐTD ngày 18/12/2015: Số tiền vay: 6,939.77USD (Tài khoản vay số 76082370008520); mục đích vay: Thanh toán tiền mua vật tư; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 6,939.77USD và số dư nợ lãi là 657.08USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 304.31USD, lãi quá hạn là 352.77USD)

4. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-04/2016/2725427/HĐTD ngày 18/12/2015: Số tiền vay: 27,955.83USD (Tài khoản vay số 76082370008539); mục đích vay: Thanh toán tiền mua vật tư và phí dịch vụ hạ tầng; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 27,955.83USD và số dư nợ lãi là 2,646.95USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 1,225.86USD, lãi quá hạn là 1,421.09USD)

5. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-05/2016/2725427/HĐTD ngày 18/12/2015: Số tiền vay: 42,957.79USD (Tài khoản vay số 76082370008548); mục đích vay: Thanh toán tiền thuế nhập khẩu, phí dịch vụ mua ngoài và tiền mua thép; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 42,957.79USD và số dư nợ lãi là 4,067.39USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 1,883.70USD, lãi quá hạn là 2,183.69USD)

6. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-06/2016/2725427/HĐTD ngày 22/12/2015: Số tiền vay: 6,563.85USD (Tài khoản vay số 76082370008557); mục đích vay: Thanh toán tiền phí gia công cho dự án IHI; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 45.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 6,563.85USD và số dư nợ lãi là 564.69USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 236.50USD, lãi quá hạn là 328.19USD)

7. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-07/2016/2725427/HĐTD ngày 22/12/2015: Số tiền vay: 5,000.00USD (Tài khoản vay số 76082370008566); mục đích vay: Thanh toán lần 1 bộ nhờ thu số 76028370001697; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh

01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 5,000.00USD và số dư nợ lãi là 469.53USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 219.53USD, lãi quá hạn là 250.00USD)

8. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-08/2016/2725427/HĐTD ngày 24/12/2015: Số tiền vay: 4,000.00USD (Tài khoản vay số 76082370008575); mục đích vay: Thanh toán phí gia công cho dự án Nippon; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 4,000.00USD và số dư nợ lãi là 374.07USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 176.07USD, lãi quá hạn là 198.00USD)

9. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-09/2016/2725427/HĐTD ngày 24/12/2015: Số tiền vay: 13,566.85USD(Tài khoản vay số 76082370008584); mục đích vay: Thanh toán phí dịch vụ mua ngoài và tiền vật tư; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 13,566.85USD và số dư nợ lãi là 1,268.73USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 596.04USD, lãi quá hạn là 672.96USD)

10. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-10/2016/2725427/HĐTD ngày 05/01/2016: Số tiền vay: 52,678.57USD (Tài khoản vay số 76082370008636); mục đích vay: Thanh toán tiền mua thép tấm; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 52,678.57USD và số dư nợ lãi là 4,785.12USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 2,293.86USD, lãi quá hạn là 2,491.26USD)

11. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-11/2016/2725427/HĐTD ngày 05/01/2016: Số tiền: 10,000.00USD (Tài khoản vay số 76082370008654); mục đích vay: Thanh toán tiền bảo hành cho khách hàng Howden; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 10,000.00USD và số dư nợ lãi là 908.36USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 435.44USD, lãi quá hạn là 472.92USD)

12. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-12/2016/2725427/HĐTD ngày 15/01/2016: Số tiền vay: 62,425.00USD (Tài khoản vay số 76082370008724); mục đích vay: Thanh toán lương cho CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 62,425.00USD và số dư nợ lãi là 5,549.06USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 2,726.93USD, lãi quá hạn là 2,922.13USD)

13. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-13/2016/2725427/HĐTD ngày 25/01/2016: Số tiền vay: 45,591.00USD (Tài khoản vay số 76082370008779); mục đích vay: Thanh toán lương cho CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 45,591.00USD và số dư nợ lãi là 3,960.84USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 2,004.23USD, lãi quá hạn là 1,956.61USD)

14. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-14/2016/2725427/HĐTD ngày 27/01/2016: Số tiền vay: 4,200.00USD (Tài khoản vay số 76082370008788); mục đích vay: Thanh toán lương cho CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quí/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 4,200.00USD và số dư nợ lãi là 363.55USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 184.17USD, lãi quá hạn là 179.38USD)

15. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-15/2016/2725427/HĐTD ngày 03/02/2016: Số tiền vay: 22,600.77USD (Tài khoản vay số 76082370008821); mục đích vay: Thanh toán tiền điện, khí công nghiệp và thép; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 22,600.77USD và số dư nợ lãi là 1,915.79USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 983.51USD, lãi quá hạn là 932.28USD)

16. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-16/2016/2725427/HĐTD ngày 05/02/2016: Số tiền vay: 22,600.77USD (Tài khoản vay số 76082370008876); mục đích vay: Thanh toán tiền phí dịch vụ mua ngoài và vật tư; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 14,941.60USD và số dư nợ lãi là 1,260.74USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 650.62USD, lãi quá hạn là 610.12USD)

17. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-17/2016/2725427/HĐTD ngày 05/02/2016: Số tiền vay: 27,395.48USD (Tài khoản vay số 76082370008885); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 27,395.48USD và số dư nợ lãi là 2,311.57USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 1,192.92USD, lãi quá hạn là 1,118.65USD)

18. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-18/2016/2725427/HĐTD ngày 22/02/2016: Số tiền vay: 65,391.90USD (Tài khoản vay số 76082370008894); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 4.80% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 65,391.90USD và số dư nợ lãi là 5,296.93USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 2,871.98USD, lãi quá hạn là 2,424.95USD)

19. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-19/2016/2725427/HĐTD ngày 07/03/2016: Số tiền vay: 77,637.90USD (Tài khoản vay số 76082370008946); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 77,637.90USD và số dư nợ lãi là 5,396.59USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 3,340.16USD, lãi quá hạn là 2,056.43USD)

20. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-20/2016/2725427/HĐTD ngày 24/03/2016: Số tiền vay: 16,454.00USD (Tài khoản vay số 76082370009046); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 5.00% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 16,454.00USD và số dư nợ lãi là 1,093.60USD (Trong đó: Lãi trong hạn là 703.23USD, lãi quá hạn là 390.37USD)

21. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-21/2016/2725427/HĐTD ngày 06/04/2016: Số tiền vay: 2.028.222.162đồng (Tài khoản vay số 76082000294714); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 2.028.222.162đồng và số dư nợ lãi là 260.282.877đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 151.096.917đồng, lãi quá hạn là 109.185.960đồng)

22. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-22/2016/2725427/HĐTD ngày 29/04/2016: Số tiền vay: 2.228.845.600đồng (Tài khoản vay số 76082000296765); mục đích vay: Thanh toán lương CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 2.228.845.600đồng và số dư nợ lãi là 279.265.067đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 179.570.661đồng, lãi quá hạn là 99.694.406đồng)

23. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-23/2016/2725427/HĐTD ngày 18/05/2016: Số tiền vay: 193.821.454đồng (Tài khoản vay số 76082000298123); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 193.821.454 đồng và số dư nợ lãi là 24.210.722đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 17.075.670đồng, lãi quá hạn là 7.135.052đồng)

24. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-24/2016/2725427/HĐTD ngày 23/05/2016: Số tiền vay: 276.231.752đồng (Tài khoản vay số 76082000298327); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 276.231.752đồng và số dư nợ lãi là 33.917.806đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 24.405.075đồng, lãi quá hạn là 9.512.731đồng)

25. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-25/2016/2725427/HĐTD ngày 26/05/2016: Số tiền vay: 353.316.454đồng (Tài khoản vay số 76082000298619); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 353.316.454đồng và số dư nợ lãi là 43.006.955đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 31.119.328đồng, lãi quá hạn là 11.887.627đồng)

26. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-26/2016/2725427/HĐTD ngày 10/06/2016: Số tiền vay: 2.126.102.370đồng (Tài khoản vay số 76082000299889); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 2.126.102.370đồng và số dư nợ lãi là 241.962.261đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 184.096.842đồng, lãi quá hạn là 57.865.420đồng)

27. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-27/2016/2725427/HĐTD ngày 22/06/2016: Số tiền vay: 139.050.000đồng (Tài khoản vay số 76082000300921); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài và khí công nghiệp; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 139.050.000đồng và số dư nợ lãi là 15.180.398đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 12.035.550đồng, lãi quá hạn là 3.144.848đồng)

28. Giấy đề nghị giải ngân kiêm Hợp đồng tín dụng số 01-28/2016/2725427/HĐTD ngày 28/06/2016: Số tiền vay: 1.607.230.345đồng (Tài khoản vay số 76082000301456); mục đích vay: Thanh toán tiền dịch vụ mua ngoài, khí công nghiệp và tiền lương cho CB.CNV; thời hạn vay: 11 tháng; lãi suất: 9.30% và được thả nổi, điều chỉnh 01quý/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay.

Tính đến ngày 19/7/2017, số dư nợ gốc là 1.607.230.345 đồng và số dư nợ lãi là 171.536.123đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 139.498.665đồng, lãi quá hạn là 32.037.458đồng)

Như vậy, đến nay tất cả các khoản vay trên đã đến hạn trả nợ nhưng Công ty Q mới thanh toán được 759,977.35USD nợ gốc nên vi phạm về nghĩa vụ thanh toán về tiền gốc và tiền lãi theo nội dung thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã thực hiện nhiều biện pháp thông báo, nhắc nhở, đôn đốc, đề nghị bán tài sản để thu hồi nợ vay nhưng đến nay Công ty Q vẫn chưa thực hiện được theo cam kết.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty Cổ phần thép Q đã thế chấp cho Ngân hàng BIDV các tài sản sau: Nhà xưởng tại KCN , huyện , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 777542670400132; quyền sử dụng đất tại KCN , huyện , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 707439 và máy móc thiết bị theo các Hợp đồng thế chấp số 01/2011/QUA/HĐTC ngày 11/7/2011; số 03.QUA/2010 ngày 03/8/2010 và số 01/2014/2725427/HĐBĐ ngày 22/12/2014.

Căn cứ Hợp đồng mua, bán nợ số 4113/2016/MBN.VAMC1-BIDV ngày 24/11/2016 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) (Sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Công ty Quản lý tài sản yêu cầu Công ty Q phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh của tất cả khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 19/7/2017 là: 74.518.309.332đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 2,592,067.58USD và 8.952.820.137đồng; nợ lãi trong hạn là: 102,504.61USD và 738.898.708đồng; nợ lãi quá hạn là: 180,483.62USD và 330.463.501đồng; 01USD (Đô la Mỹ) tại thời điểm ngày 19/7/2017 quy đổi ra VND là 22.433đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/7/2017 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ gốc.

Trường hợp Công ty Q không thanh toán số nợ trên thì Công ty Quản lý tài sản yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp đã được Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ để thu hồi nợ. Đối với những tài sản thế chấp mà Tòa án chưa xem xét, thẩm định tại chỗ được thì sau này nếu xác định được Công ty Quản lý tài sản sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý sau.

Bị đơn – Công ty Cổ phần thép Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với Công ty Cổ phần thép Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản) khởi kiện Công ty Cổ phần thép Q yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Q nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", nội dung Hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận trong trường hợp xảy ra tranh chấp thì Tòa án nơi Chi nhánh của bên cho vay (Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu) có trụ sở chính giải quyết nên căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Công ty Cổ phần thép Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty Q .

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28-10-2013 đến ngày 28-6-2016, giữa Ngân hàng và Công ty Q đã ký kết các Hợp đồng tín dụng trung hạn, ngắn hạn và hạn mức, với tổng số tiền vay là 3,352,044.93USD và 8.952.820.137đồng. Đến nay tất cả các khoản vay đã quá hạn, nhưng Công ty Q mới thanh toán được 759,977.35USD tiền gốc nên vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh theo nội dung các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Ngày 24-11-2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã

ký Hợp đồng mua, bán nợ số 4113/2016/MBN.VAMC1-BIDV, với nội dung: Ngân hàng bán toàn bộ số dư nợ của Công ty Q cho Công ty Quản lý tài sản.

Nay Công ty Quản lý tài sản khởi kiện yêu cầu Công ty Q phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh của tất cả khoản vay tính đến ngày 19/7/2017 là: 74.518.309.332đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 2,592,067.58USD và 8.952.820.137đồng; nợ lãi trong hạn là: 102,504.61USD và 738.898.708đồng; nợ lãi quá hạn là: 180,483.62USD và 330.463.501đồng; 01USD tại thời điểm ngày 19/7/2017 quy đổi ra VND là 22.433đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/7/2017 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Công ty Q không thanh toán đủ số nợ trên thì Công ty Quản lý tài sản yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.1] Xét tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thì thấy:

Về tài liệu nguyên đơn cung cấp:

- Đối với Hợp đồng tín dụng trung hạn số 55/2013/HĐ ngày 28/10/2013; các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 15/2015/2725427/HĐTD ngày 10/06/2015, số 16/2015/2725427/HĐTD ngày 10/06/2015, số 18/2015/2725427/HĐTD ngày 17/08/2015, số 19/2015/2725427/HĐTD ngày 18/08/2015, số 20/2015/2725427/HĐTD ngày 20/08/2015, số 21/2015/2725427/HĐTD ngày 20/08/2015, số 22/2015/2725427/HĐTD ngày 24/08/2015, số 23/2015/2725427/HĐTD ngày 31/08/2015, số 24/2015/2725427/HĐTD ngày 01/09/2015, số 25/2015/2725427/HĐTD ngày 04/09/2015, số 26/2015/2725427/HĐTD ngày 04/09/2015, số 27/2015/2725427/HĐTD ngày 11/09/2015, số 28/2015/2725427/HĐTD ngày 11/09/2015, số 29/2015/2725427/HĐTD ngày 16/09/2015, số 30/2015/2725427/HĐTD ngày 18/09/2015, số 31/2015/2725427/HĐTD ngày 23/09/2015; Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) ngày 31/10/2013 và các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) số 15/2015/2725427/BKRV ngày 10/06/2015, số 16/2015/2725427/BKRV ngày 10/06/2015, số 18/2015/2725427/BKRV ngày 17/08/2015, số 19/2015/2725427/BKRV ngày 18/08/2015, số 20/2015/2725427/BKRV ngày 20/08/2015, số 21/2015/2725427/BKRV ngày 20/08/2015, số 22/2015/2725427/BKRV ngày 24/08/2015, số 23/2015/2725427/BKRV ngày 31/08/2015, số 24/2015/2725427/BKRV ngày 01/09/2015, số 25/2015/2725427/BKRV ngày 04/09/2015, số 26/2015/2725427/BKRV ngày 04/09/2015, số 27/2015/2725427/BKRV ngày 11/09/2015, số 28/2015/2725427/BKRV ngày 11/09/2015, số 29/2015/2725427/BKRV ngày 16/09/2015, số 30/2015/2725427/BKRV ngày 18/09/2015, số 31/2015/2725427/BKRV ngày 23/09/2015; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2725427/HĐTD ngày 30/10/2015 và các HĐTD cụ thể số 01-01/2016 /2725427/HĐTD ngày 09/11/2015, số 01-02/2016 /2725427/HĐTD ngày 17/12/2015, số 01-03/2016 /2725427/HĐTD ngày 18/12/2015, số 01-04/2016 /2725427/HĐTD

ngày 18/12/2015, số 01-05/2016 /2725427/HĐTD ngày 18/12/2015, số 01-06/2016 /2725427/HĐTD ngày 22/12/2015, số 01-07/2016 /2725427/HĐTD ngày 22/12/2015, số 01-08/2016 /2725427/HĐTD ngày 24/12/2015, số 01-09/2016 /2725427/HĐTD ngày 24/12/2015, số 01-10/2016 /2725427/HĐTD ngày 05/01/2016, số 01-11/2016 /2725427/HĐTD ngày 05/01/2016, số 01-12/2016 /2725427/HĐTD ngày 15/01/2016, số 01-13/2016 /2725427/HĐTD ngày 25/01/2016, số 01-14/2016 /2725427/HĐTD ngày 27/01/2016, số 01-15/2016 /2725427/HĐTD ngày 03/02/2016, số 01-16/2016 /2725427/HĐTD ngày 05/02/2016, số 01-17/2016 /2725427/HĐTD ngày 05/02/2016, số 01-18/2016 /2725427/HĐTD ngày 22/02/2016, số 01-19/2016 /2725427/HĐTD ngày 07/03/2016, số 01-20/2016 /2725427/HĐTD ngày 24/03/2016, số 01-21/2016/2725427/HĐTD ngày 06/04/2016, số 01-22/2016/2725427/HĐTD ngày 29/04/2016, số 01-23/2016/2725427/HĐTD ngày 18/05/2016, số 01-24/2016/2725427/HĐTD ngày 23/05/2016, số 01-25/2016/2725427/HĐTD ngày 26/05/2016, số 01-26/2016/2725427/HĐTD ngày 10/06/2016, số 01-27/2016/2725427/HĐTD ngày 22/06/2016, số 01-28/2016/2725427/HĐTD ngày 28/06/2016 giữa Ngân hàng và Công ty Q: Các hợp đồng này được lập thành văn bản, mục đích và nội dung thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực theo quy định tại Điều 122 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03.QUA/2010/HĐ ngày 03/08/2010; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2011/QUA/HĐTC ngày 11/07/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/2725427/HĐBĐ ngày 22/12/2014: Trước khi ký hợp đồng, các bên đã tiến hành các thủ tục xác nhận, thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Các Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có xác nhận của Ban quản lý các KCN tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Đối với Hợp đồng mua, bán nợ số 4113/2016/MBN.VAMC1-BIDV ngày 24/11/2016: Hợp đồng này được thực hiện đúng theo quy định của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18-5-1013 của Chính phủ.

- Đối với các Bảng tính lãi ngày 19/7/2017: Các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các Bảng tính lãi được tính đúng với mức lãi suất tại từng thời điểm điều chỉnh lãi mà Ngân hàng đã thông báo cho Công ty Quatron, thời gian tính lãi phù hợp với nội dung các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về tài liệu do Tòa án thu thập: Đối với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2017; ngày 30/3/2017 và ngày 23/5/2017; Công văn số 408/BQL-DN ngày 31/3/2017 của Ban quản lý các khu công nghiệp được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho Công ty Cổ phần Thép Q đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 24-5-2017, nhưng đại diện Công ty Q vắng mặt. Do đó, xác định những tài liệu trên là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Tại thời điểm Công ty quản lý tài sản khởi kiện, Công ty Q đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Công ty quản lý tài sản yêu cầu Công ty Q phải thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh là đúng với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, cụ thể:

- Đối với yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 2,592,067.58USD và 8.952.820.137đồng: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng trung hạn, ngắn hạn, hạn mức giữa Ngân hàng và Công ty Q và các bảng kê rút vốn của Công ty Q thì tổng số tiền gốc Công ty Q đã vay của Ngân hàng là 3,352,044.93 USD và 8.952.820.137đồng, đến thời điểm này Công ty Q mới thanh toán được 759,977.35USD tiền gốc. Do đó, Công ty quản lý tài sản yêu cầu Công ty Q thanh toán tiếp số tiền gốc còn lại là 2,592,067.58USD và 8.952.820.137đồng là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 19/7/2017 là 282,988.23USD và 1.069.362.209đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 102,504.61USD và 738.898.708đồng; lãi quá hạn là: 180,483.62USD và 330.463.501đồng): Nội dung các Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, trong đó: Lãi trong hạn được tính tại thời điểm vay và được thả nổi, điều chỉnh 01qúy/lần theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ vào các Bảng tính lãi ngày 19/7/2017 thì tổng số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 19/7/2017 là 282,988.23USD và 1.069.362.209đồng. Do đó, Công ty quản lý tài sản yêu cầu Công ty Q thanh toán số khoản tiền này là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu Công ty Q phải trả khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/7/2017 đến khi thanh toán hết nợ gốc: Yêu cầu này của Công ty quản lý tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật và các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao, Công ty Q phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 20/7/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

- Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Các Hợp đồng thế chấp số 03.QUA/2010 ngày 03/8/2010; số 01/2011/QUA/HĐTC ngày 11/7/2011 và

số 01/2014/2725427/HĐBĐ ngày 22/12/2014 có giá trị về mặt pháp lý. Những tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty Q và được đăng ký giao dịch bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Q tại Ngân hàng, nội dung các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận, trong trường hợp Công ty Quatron không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi những tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp. Do đó, trường hợp Công ty Quatron không thanh toán nợ thì Công ty quản lý tài sản có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp đã được Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với những tài sản thế chấp mà Tòa án chưa xem xét, thẩm định tại chỗ được thì nếu sau này xác định được Công ty Quản lý tài sản có quyền yêu cầu theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty quản lý tài sản được chấp nhận toàn bộ nên Công ty Q phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán 74.518.309.332đồng là 182.518.309đồng (Cách tính: 4.000.000.000đồng là 112.000.000đồng + (70.518.309.332đồng x 0,1%) = 182.518.309đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty quản lý tài sản.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 122, Điều 124, Điều 343 và Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với Công ty Cổ phần thép Q :

Buộc Công ty Cổ phần thép Q phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/7/2017 là 74.518.309.332đ (Bảy mươi bốn tỷ, năm trăm mười tám triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, ba trăm ba mươi hai đồng) (Trong đó: Nợ gốc là: 2,592,067.58USD (Hai triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi bảy phẩy năm mươi tám đô la Mỹ) và 8.952.820.137đ (Tám tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, tám trăm hai mươi ngàn, một trăm ba mươi bảy đồng); nợ lãi trong hạn là: 102,504.61USD (Một trăm lẻ hai ngàn, năm trăm lẻ bốn phẩy sáu mươi mốt đô la Mỹ) và 738.898.708đ (Bảy trăm ba mươi tám triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm lẻ tám đồng); nợ lãi quá hạn là: 180,483.62USD (Một trăm tám mươi ngàn, bốn trăm tám mươi ba phẩy sáu mươi hai đô la Mỹ) và

330.463.501đ (Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm lẻ một đồng; 01USD (Một đô la Mỹ) quy đổi ra VND tại thời điểm ngày 19/7/2017 là 22.433đ (Hai mươi hai ngàn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 20-7-2017), Công ty Cổ phần thép Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà Công ty Q phải tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần thép Q không thanh toán được toàn bộ số nợ nêu trên thì Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại KCN , huyện , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ707439 được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21-6-2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2011/QUA/HĐTC ngày 11-7-2011; Nhà xưởng giai đoạn 1 và Nhà văn phòng điều hành xuất hàng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 777542670400132 được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 09-12-2009, cùng toàn bộ máy móc thiết bị *(Gồm: Cần cẩu (13 cái) (Sunrise); dây chuyền máy dột dập và cắt kim loại CNC, bàn phím máy CNC; máy phun bi sắt hiệu HPG 2515; máy hàn tự động Shaoxing county (02 cái); máy hàn tự động Tangsang Kaiyuan; máy khoan dầm Wuxi Hualian; máy cắt Wuxi Hualian; máy tời Wuxi Hualian; máy hàn Sanghai Lincoln (25 cái); máy cắt O2 và mặt bích; hệ thống ống hơi cho máy cắt plasma; Container rỗng 20'; máy phát điện; máy sấy khô, máy lọc; máy nén; bơm thủy lực – M.R.O company; máy bơm Pentax CM; máy hàn (DC-500): 02 máy & phụ kiện; máy hàn CO2 (TTC-500A): 06 cái; Hệ thống bắn bi – Thành Lợi; hệ thống bắn bi – PO10712; băng tải con lăn – Nam Thăng Long (02 băng); container 40"; máy đột dập – GEKA; máy đốt Thủy Lực (HA11-1624) – Nguyễn Gia; máy cắt Plasma 100A; máy hàn Mig 500 SCR (15 máy); máy hàn Mig 500A (14 máy) – ĐC Tân Thành; máy hàn Mig – ĐC Tân Thành; máy hàn Mig 500A SCR; máy hàn Mig 500A – Hồng Kỳ; máy hàn Mig 500A SCR – ĐC Tân Thành; máy hàn Mig (05 máy) – ĐC Tân Thành; máy nén khí – Nguyễn Gia; máy uốn gấp thép thủy lực (W11S) – Wuxi (TK3423); máy xén kim loại (Amada HK 400)& êtô – TBCN Sài Gòn; Máy xén kim loại (Amada H 400) – TBCN Sài Gòn; máy xén kim loại – TBCN Sài Gòn; Máy xử lý bề mặt kim loại – Mai Thủy)* theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03.QUA/2010 ngày 03-8-2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/2725427/HĐBĐ ngày 22-12-2014. Đối với những tài sản thế chấp chưa xem xét, thẩm định tại chỗ được *(Gồm: Máy cưa (Band saw); máy khoan từ;*

thiết bị kiểm tra đo độ dày lớp phủ; máy đo độ dày lớp sơn PLC; máy kinh vĩ điện tử - Nam Phương; máy kinh vĩ điện tử (Suoth NTS-312R) - Trắc địa 247; máy phun sơn – Nguyễn Gia; máy vát mép – MRO; máy khoan (10 cái), nếu sau này xác định được, Công ty Quản lý tài sản có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần thép Q phải nộp 182.518.309đ (Một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm mười tám ngàn, ba trăm lẻ chín đồng)

- Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 92.890.843đ (Chín mươi hai triệu, tám trăm chín mươi ngàn, tám trăm bốn mươi ba đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002519 ngày 22-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;